

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT), Số 27 ngách 68/37 đường Cầu Giấy, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (84-24) 2.220 4444 Fax: (84-24) 2.220 4455</p> <p>Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPTPMB)</p> <p>Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà 16 tầng - Khu liên cơ quan 258 Võ Chí Công, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Điện thoại: 024.66850505</p>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm dự án:</p> <p>Dự án Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Bắc Giang – Lạng Sơn được thực hiện trên địa bàn các huyện Lạng Giang, Lục Nam – tỉnh Bắc Giang và các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, TP Lạng Sơn – tỉnh Lạng Sơn (nay là các xã Tân Dĩnh, Kép, Bảo Đài, Tân Sơn và phường Bắc Giang tỉnh Bắc Ninh; xã Lương Văn Tri, Tuấn Sơn, Hữu Lũng, Cai Kinh, Tân Thành, Chi Lăng, Nhân Lý, Chiến Thắng, Đông Kinh, Khánh Khê, Đồng Đăng tỉnh Lạng Sơn)</p> <p>Mở rộng ngăn lộ tại TBA 220kV Bắc Giang được thực hiện trong hàng rào trạm biến áp hiện có tại xã Dĩnh Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh)</p>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</p>
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	<p>Các tài liệu khác: _____</p> <p><i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i></p>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:</p> <p>- Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với Bên A hoặc đại diện của Bên A cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu hồ sơ hợp đồng vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Các tài liệu trong hồ sơ hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Khi Bên A có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói
<b>E-ĐKC 8</b>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng tiền thanh toán: VND.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia làm các đợt như sau: <b>Đợt 1: Tạm ứng</b> Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền tương ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo lãnh tạm ứng với số tiền tương đương với giá trị tạm ứng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với thời hạn hiệu lực đến 30 ngày sau khi bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng.</li> <li>- Thông báo kết quả tiếp nhận tài liệu lần thứ nhất cho bên A trong đó nêu rõ ngày tiếp nhận, các tài liệu đã tiếp nhận và các yêu cầu bổ sung.</li> <li>- Kế hoạch kiểm toán.</li> </ul> </li> <li>- <b>Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng</b></li> <li>- Văn bản của nhà thầu đề nghị tạm ứng.</li> </ul> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p><b>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</b> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại <b>thời điểm 30</b> ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu <b>23</b> ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p>

**Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:** Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

**Hoàn trả tiền tạm ứng:** Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

**Đợt 2: Thanh toán 75% giá trị hợp đồng trước thuế, 100% thuế VAT (bao gồm tạm ứng), trong vòng 14 ngày kể từ ngày bên A nhận được các tài liệu sau đây:**

- Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán trước thẩm tra.
- Báo cáo kiểm toán trước thẩm tra: 03 bộ.
- Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị khối lượng hoàn thành theo quy định của Bộ Tài Chính.
- Nhật ký kiểm toán
- **Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng, sau khi giảm trừ khối lượng kiểm toán ngoại trừ không thực hiện.**
- **Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng**
- Bảng quyết toán
- Bảng đề nghị thanh toán khối lượng
- Văn bản đề nghị thanh toán.
- Biên bản tổng kết đánh giá hợp đồng

	<p><b>+ Đợt 3: Thanh toán 25% giá trị còn lại</b> của hợp đồng sau khi giảm trừ các khoản như giá trị theo khối lượng kiểm toán ngoại trừ không thực hiện, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt hợp đồng,...(nếu có)</p> <p>Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 14 ngày khi có các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán sau thẩm tra.</li> <li>- Báo cáo kiểm toán sau thẩm tra: 05 bộ. <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Biên bản đối chiếu công nợ.</b></li> <li>- <b>Thanh lý hợp đồng</b></li> <li>- <b>Văn bản đề nghị thanh toán.</b></li> </ul> </li> </ul>
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác: _____ [ <i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i> ].
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư
<b>E-ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm nghiệm thu xuất hóa đơn nếu chính sách về thuế Giá trị gia tăng có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được các bên thảo luận thống nhất điều chỉnh theo quy định hiện hành.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i> ].
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [ <i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i> ].
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [ <i>Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i> ].
<b>E-ĐKC 17</b>	1. Phạt vi phạm hợp đồng : + 0,1% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn.

+ 1% đến 5% giá trị hợp đồng bị vi phạm do không đảm bảo khối lượng công việc: Trường hợp Báo cáo kiểm toán không thực hiện đầy đủ các nội dung phải kiểm toán hoặc áp dụng không đúng một số văn bản làm căn cứ kiểm toán nhưng chưa đến mức cơ quan thẩm tra phải yêu cầu kiểm toán bổ sung hoặc phải phát hành lại báo cáo kiểm toán. Mốc phạt cụ thể do chủ đầu tư quyết định dựa vào mức độ sai sót của bên nhà thầu.

+ 5% đến 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm do không đảm bảo chất lượng công việc: Báo cáo kiểm toán có xảy ra sai sót do kiểm toán tính toán không chính xác, cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán phát hiện và thay đổi kết quả phê duyệt quyết toán so với kết quả kiểm toán. Mốc phạt cụ thể do chủ đầu tư quyết định dựa vào mức độ sai sót của bên nhà thầu.

+ Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

#### 2. Mức đền bù:

- Mức đền bù do thanh toán chậm: Không áp dụng.

#### 3. Bồi thường thiệt hại:

+ Bên B không phát hiện các sai sót (thuộc trách nhiệm của kiểm toán độc lập) trong hồ sơ quyết toán của Bên A cung cấp mà sau này các cơ quan thanh tra, kiểm toán Nhà nước, cơ quan pháp luật điều tra ... phát hiện dẫn đến truy thu, phạt Bên A gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại.

+ Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A những thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A, phát sinh do sản phẩm dịch vụ không đảm bảo yêu cầu như đã cam kết; bồi thường những hư hỏng mất mát với các thiết bị do Bên A cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

+ Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

+ Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.

#### 4. Các quy định bổ sung

	<p>Ngoài các quy định trên, Bên B còn phải chịu các hình thức phạt bổ sung trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp báo cáo kiểm toán có sai sót về số liệu, cơ quan thẩm tra, thanh tra, Kiểm toán Nhà nước...phát hiện giá trị kiểm toán có chênh lệch từ 0,5% trở lên thì Bên B sẽ bị Bên A cảnh cáo bằng văn bản, yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) và trừ điểm trong quá trình tham gia đấu thầu đối với các dự án tiếp theo của EVNNPT. Mỗi dự án bị phát hiện sai sót từ 0,5% trở lên trừ 10 điểm khi đánh giá các hồ sơ dự thầu tiếp theo trong vòng một năm kể từ ngày bị phát hiện có sai sót.</li> <li>- Thời hạn nhà thầu được thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư, phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan về thời hiệu khiếu nại. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng. Thông tin nhà thầu vi phạm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu và trang thông tin đấu thầu của EVN, Chủ đầu tư đồng thời thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.</li> </ul>
<p><b>E-DKC</b> <b>19.1</b></p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: _____</p> <p>1. Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất là trước 10 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;</li> <li>- Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; hoặc</li> <li>- Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể.</li> <li>- Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 20 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ.</li> </ul>

	<p>- Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.</p> <p>2. Bên A có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên B khi phát hiện Bên B lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 20</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____</p> <p>1. Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán.</p> <p>2. Bên B có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất 15 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn cho Bên B theo hợp đồng này và không thuộc đối tượng tranh chấp trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về những khoản thanh toán đã bị quá hạn; hoặc</li> <li>- Bên A không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo Hợp đồng.</li> </ul> <p>Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 30 ngày cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng.</p> <p>Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định</p>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết;</li> <li>- Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau;</li> <li>- Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt;</li> <li>- Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.</li> </ul>
<p><b>E-DKC</b> <b>23.1</b></p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư: Tổng công ty truyền tải điện quốc gia</li> <li>Địa chỉ: Số 27 ngách 68/37 đường Cầu Giấy, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</li> <li>- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPTPMB)</li> <li>Địa chỉ: Số 27 ngách 68/37 đường Cầu Giấy, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</li> <li>Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, tòa nhà 16 tầng - Khu liên cơ quan 258 Võ Chí Công, Phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</li> <li>Điện thoại: 0946496466 (Nguyễn Thị Hoa Hồng – Phó trưởng phòng TCKT)</li> <li>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">Điện thoại: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">Fax: _____</li> <li style="padding-left: 40px;">E-mail: _____</li> </ul>